



Tiền Giang, ngày 14 tháng 08 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần dược thú y Cai Lậy thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 sau kiểm toán với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Dược Thú y Cai Lậy

- Mã chứng khoán : MKV

- Địa chỉ trụ sở chính : Khu phố 1, phường 5, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

- Điện thoại: 02733710769 Fax: 02733826363

- Email: info@cailayvetco.com; Website: www.cailayvetco.com.

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính (BCTC) giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 sau kiểm toán của Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy được lập ngày 14 tháng 08 năm 2023 gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:



Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 14/08/2023 tại đường dẫn: www.cailayvetco.com.



3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2022.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch: không phát sinh
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất);
- Ngày hoàn thành giao dịch:

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

TUQ. CHỦ TỊCH HĐQT
Người công bố thông tin

Nguyễn Anh Tuấn

Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 29



Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 1200505472 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tiền Giang cấp ngày 28 tháng 1 năm 2003 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội ("SGDCKHN"), với mã chứng khoán là MKV theo Quyết định số 406/QĐ-TTGDHN do SGDCKHN cấp ngày 21 tháng 11 năm 2008.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh thuốc thú y.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu phố 1, Phường 5, Thị xã Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đào Mạnh Lương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên độc lập
Ông Lê Thành Nam	Thành viên độc lập

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Vũ Thị Hồng Nhung	Trưởng ban
Ông Thân Văn Dũng	Thành viên
Bà Trần Thị Kiều Chinh	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đỗ Văn Tài	Giám đốc
Bà Phan Nguyễn Thanh Huyền	Phó Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đào Mạnh Lương.

Ông Đỗ Văn Tài được ông Đào Mạnh Lương ủy quyền ký báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 theo Giấy Ủy quyền số 02/2023/UQ/CTHĐQT-MKV ngày 4 tháng 1 năm 2023.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc: 


Đỗ Văn Tài
Giám đốc

Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Số tham chiếu: 11660732/E-66926281-LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy ("Công ty") được lập ngày 14 tháng 8 năm 2023 và được trình bày từ trang 5 đến trang 29, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Hồ Khánh Tân
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN Kiểm toán
Số: 3458-2020-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		55.705.540.370	64.911.917.328
110	<i>I. Tiền</i>	4	3.443.510.334	4.177.245.011
111	1. Tiền		3.443.510.334	4.177.245.011
120	<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	5	6.000.000.000	6.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		6.000.000.000	6.000.000.000
130	<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>		23.307.668.826	25.093.746.293
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	22.149.659.650	23.406.474.070
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	861.069.000	1.515.539.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	296.940.176	171.733.223
140	<i>IV. Hàng tồn kho</i>	9	22.151.018.536	28.663.187.241
141	1. Hàng tồn kho		22.224.274.766	28.672.648.111
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(73.256.230)	(9.460.870)
150	<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>		803.342.674	977.738.783
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	641.818.034	832.167.985
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	161.524.640	145.570.798
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		37.788.877.533	41.131.791.195
220	<i>I. Tài sản cố định</i>		37.315.634.172	40.312.089.646
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	37.315.634.172	40.312.089.646
222	Nguyên giá		101.471.850.169	101.493.667.169
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(64.156.215.997)	(61.181.577.523)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		260.000.000	260.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(260.000.000)	(260.000.000)
240	<i>II. Tài sản dở dang dài hạn</i>		-	233.282.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	233.282.000
260	<i>III. Tài sản dài hạn khác</i>		473.243.361	586.419.549
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	473.243.361	586.419.549
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		93.494.417.903	106.043.708.523



11
10
8
11

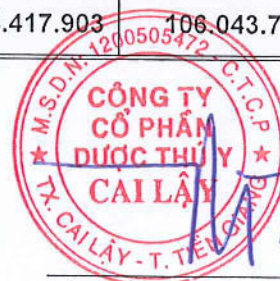
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		17.499.517.620	32.423.552.682
310	I. Nợ ngắn hạn		17.499.517.620	30.923.552.682
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	6.189.970.249	5.723.103.364
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		11.782.268	22.503.151
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	488.589.209	217.890.136
314	4. Phải trả người lao động		1.261.008.700	1.177.967.599
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	5.215.028.398	5.344.517.951
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	71.094.100	70.286.650
320	7. Vay ngắn hạn	16	4.299.275.777	18.404.514.912
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(37.231.081)	(37.231.081)
330	II. Nợ dài hạn		-	1.500.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	15	-	1.500.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		75.994.900.283	73.620.155.841
410	I. Vốn chủ sở hữu	17.1	75.994.900.283	73.620.155.841
411	1. Vốn cổ phần		50.000.380.000	50.000.380.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		50.000.380.000	50.000.380.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(380.000)	(380.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		69.863.124	69.863.124
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		25.925.037.159	23.550.292.717
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		23.550.292.717	17.646.242.213
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong kỳ		2.374.744.442	5.904.050.504
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		93.494.417.903	106.043.708.523

Nguyễn Thị Mộng Duyên
Người lập

Võ Thị Lệ Trinh
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Tài
Giám đốc


Ngày 14 tháng 8 năm 2023

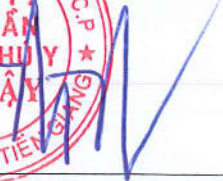
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

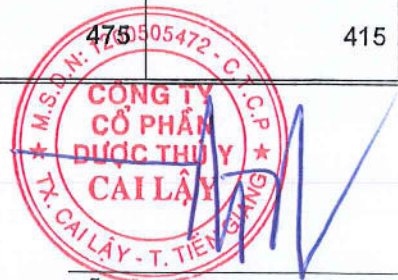
VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.1	54.389.030.461	59.696.126.737
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18.1	(4.104.954.485)	(3.275.933.721)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.1	50.284.075.976	56.420.193.016
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	19	(35.593.627.790)	(41.104.967.422)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		14.690.448.186	15.315.225.594
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	118.017.351	127.408.596
22	7. Chi phí tài chính	20	(1.814.350.851)	(2.246.151.087)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(450.306.688)	(553.075.463)
25	8. Chi phí bán hàng	21	(6.444.599.832)	(6.952.861.902)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(3.764.536.603)	(3.462.649.985)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.784.978.251	2.780.971.216
31	11. Thu nhập khác	22	183.519.874	3.406.726
32	12. Chi phí khác		(54.058)	(78.098.750)
40	13. Lỗ khác		183.465.816	(74.692.024)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.968.444.067	2.706.279.192
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.1	(593.699.625)	(632.288.105)
60	16. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		2.374.744.442	2.073.991.087
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	475	415
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	26	475	415


Nguyễn Thị Mộng Duyên
Người lập


Võ Thị Lệ Trinh
Kế toán trưởng


Đỗ Văn Tài
Giám đốc



Ngày 14 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.968.444.067	2.706.279.192
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao vào hao mòn	9,10	3.592.746.474	4.082.633.118
03	Các khoản dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		63.795.360	(220.037.866)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(287.331.819)	(97.269.096)
06	Chi phí lãi vay	20	450.306.688	553.075.463
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		6.787.960.770	7.024.680.811
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		1.758.176.198	(2.847.767.334)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		6.448.373.345	(73.374.595)
11	Giảm các khoản phải trả		444.683.927	(352.401.813)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		303.526.139	(45.523.318)
14	Tiền lãi vay đã trả		(522.479.791)	(572.525.219)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(250.000.000)	(75.412.516)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		14.970.240.588	3.057.676.016
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(363.009.000)	(47.072.000)
23	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		181.818.182	-
27	Thu lãi tiền gửi		82.454.688	56.238.958
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(98.736.130)	9.166.958
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	16	9.087.005.320	24,218,650,152
34	Tiền trả nợ gốc vay	16	(23.192.244.455)	(29.004.083.525)
36	Cổ tức đã trả	15	(1.500.000.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(15.605.239.135)	(4.785.433.373)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(733.734.677)	(1.718.590.399)
60	Tiền đầu kỳ		4.177.245.011	3.069.292.957
70	Tiền cuối kỳ	4	3.443.510.334	1.350.702.558


Nguyễn Thị Mộng Duyên
Người lập


Võ Thị Lệ Trinh
Kế toán trưởng


Đỗ Văn Tài
Giám đốc



Ngày 14 tháng 8 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 1200505472 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tiền Giang cấp ngày 28 tháng 1 năm 2003 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội ("SGDCKHN"), với mã chứng khoán là MKV theo Quyết định số 406/QĐ-TTGDHN do SGDCKHN cấp ngày 21 tháng 11 năm 2008.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh thuốc thú y.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu phố 1, Phường 5, Thị xã Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 111 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 118 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường, theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác, sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Thu nhập từ tiền thuê cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.7 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Phần mềm máy tính	5 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

0547
GT
HÀ
THỊ
LẬ
T. T. T.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày này theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.12 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.13 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.14 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

3.15 Thông tin bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh thuốc thú y. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Tiền mặt	187.402.404	209.961.479
Tiền gửi ngân hàng	3.256.107.930	3.967.283.532
TỔNG CỘNG	3.443.510.334	4.177.245.011

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đây là khoản tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng HongLeong Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, có kỳ hạn gốc năm (5) tháng và hưởng lãi suất 5.5%/năm. Công ty đã thế chấp toàn bộ khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn nhằm đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 16.1).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải thu từ bên khác	22.138.659.650	23.395.474.070
- Công ty Cổ phần Thú y Châu Giang	14.758.778.509	18.412.050.727
- Trang trại Đỗ Quốc Dũng	1.337.579.734	427.064.996
- Công ty TNHH Thuốc thú y TW1	647.343.746	468.645.469
- Hộ kinh doanh Cửa hàng thuốc thú y Lộc Phát	477.556.458	107.018.390
- Công ty Cổ phần TOPCIN	415.012.598	415.012.598
- Khác	4.502.388.605	3.565.681.890
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 25)	11.000.000	11.000.000
TỔNG CỘNG	22.149.659.650	23.406.474.070

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Công ty TNHH Huỳnh Quốc Phương	502.480.000	-
Công ty TNHH Dược Mặt Trời	341.689.000	1.512.739.000
Khác	16.900.000	2.800.000
TỔNG CỘNG	861.069.000	1.515.539.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Tạm ứng nhân viên	196.856.176	112.292.172
Khác	100.084.000	59.441.051
TỔNG CỘNG	296.940.176	171.733.223

9. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	16.295.705.345	-	22.385.916.030	-
Thành phẩm	5.511.340.069	(73.256.230)	5.854.907.834	(9.460.870)
Hàng hoá	417.229.352	-	431.824.247	-
TỔNG CỘNG	22.224.274.766	(73.256.230)	28.672.648.111	(9.460.870)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Số đầu kỳ	9.460.870	370.157.714
(Tăng) giảm dự phòng giảm giá trong kỳ	63.795.360	(220.037.866)
Số cuối kỳ	73.256.230	150.119.848

Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	36.887.812.125	59.983.186.593	4.622.668.451	101.493.667.169
Mua mới	-	355.000.000	-	355.000.000
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	241.291.000	-	241.291.000
Thanh lý	-	-	(618.108.000)	(618.108.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	36.887.812.125	60.579.477.593	4.004.560.451	101.471.850.169
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	1.380.388.465	6.122.901.510	4.033.357.270	11.536.647.245
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	(11.972.982.590)	(44.659.590.375)	(4.549.004.558)	(61.181.577.523)
Khấu hao trong kỳ	(785.175.109)	(2.758.462.103)	(49.109.262)	(3.592.746.474)
Thanh lý	-	-	618.108.000	618.108.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	(12.758.157.699)	(47.418.052.478)	(3.980.005.820)	(64.156.215.997)
Giá trị còn lại:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	24.914.829.535	15.323.596.218	73.663.893	40.312.089.646
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	24.129.654.426	13.161.425.115	24.554.631	37.315.634.172

Công ty đã thế chấp Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại Khu phố 1, Phường 5, Thị xã Cai Lậy của Công ty cho Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội nhằm đảm bảo cho khoản vay của Công ty Cổ phần Mavin Ausfeed, Công ty đồng chủ sở hữu với Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn	641.818.034	832.167.985
Chi phí sửa chữa, bảo trì	247.292.919	267.621.403
Chi phí bảo hiểm	114.353.599	157.657.256
Công cụ, dụng cụ	80.718.773	77.812.083
Khác	199.452.743	329.077.243
Dài hạn	473.243.361	586.419.549
Chi phí sửa chữa	268.534.055	366.860.869
Công cụ, dụng cụ	19.611.741	36.034.467
Khác	185.097.565	183.524.213
TỔNG CỘNG	1.115.061.395	1.418.587.534

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	1.250.000.000	3.208.000.000
Phải trả cho bên khác	4.939.970.249	2.515.103.364
- Công ty TNHH Lva Việt Nam	1.506.000.149	718.349.673
- Công ty TNHH Ruby	920.710.000	181.500.000
- Công ty Bao Bì Hoá Chất Minh Quân	410.253.272	-
- Công ty TNHH Đầu Tư Phát Triển Hải Đăng	407.185.042	196.499.888
- Khác	1.695.821.786	1.418.753.803
TỔNG CỘNG	6.189.970.249	5.723.103.364

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải thu	145.570.798	200.943.383	(184.989.541)	161.524.640
Thuế thu nhập doanh nghiệp	35.006.376	-	(35.006.376)	-
Thuế giá trị gia tăng	30.438.561	85.249.923	(85.249.923)	30.438.561
Phí, lệ phí và các khoản khác	25.033.737	-	-	25.033.737
Tiền thuê đất	55.092.124	115.693.460	(64.733.242)	106.052.342
Phải nộp	217.890.136	3.989.582.233	(3.718.883.160)	488.589.209
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	558.693.249	(250.000.000)	308.693.249
Thuế giá trị gia tăng	200.084.532	3.129.862.524	(3.172.953.365)	156.993.691
Thuế thu nhập cá nhân	17.805.604	301.026.460	(295.929.795)	22.902.269

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Chiết khấu phải trả	4.339.738.821	3.728.081.534
Lương tháng 13, thưởng hiệu suất	329.826.581	883.396.342
Thù lao Hội đồng Quản trị	72.000.000	149.000.000
Khác	473.462.996	584.040.075
TỔNG CỘNG	5.215.028.398	5.344.517.951

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn	71.094.100	70.286.650
Kinh phí công đoàn	41.211.720	43.786.650
Khác	29.882.380	26.500.000
Dài hạn	-	1.500.000.000
Cổ tức phải trả (*)	-	1.500.000.000
TỔNG CỘNG	71.094.100	1.570.286.650

(*) Công ty đã chi trả cổ tức năm 2016 vào ngày 29 tháng 5 năm 2023 theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 03/2023/NQ/HĐQT-MKV.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. VAY NGẮN HẠN

VND

Vay ngân hàng

Ngày 31 tháng 12 năm 2022	18.404.514.912
Vay trong kỳ	9.087.005.320
Trả trong kỳ	<u>(23.192.244.455)</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>4.299.275.777</u>

Công ty có các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động.
Chi tiết các khoản vay được trình bày như sau:

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 5)
Ngân hàng HongLeong Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	<u>4.299.275.777</u>	Từ ngày 10 tháng 9 năm 2023 đến ngày 27 tháng 11 năm 2023	7,65% - 9%	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn thuộc sở hữu của Công ty và bảo lãnh của Công ty Cổ phần Tập đoàn Mavin, công ty mẹ của Công ty.

Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
					VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	50.000.380.000	(380.000)	69.863.124	17.646.242.213	67.716.105.337
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	2.073.991.087	2.073.991.087
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	50.000.380.000	(380.000)	69.863.124	19.720.233.300	69.790.096.424
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	50.000.380.000	(380.000)	69.863.124	23.550.292.717	73.620.155.841
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	2.374.744.442	2.374.744.442
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	50.000.380.000	(380.000)	69.863.124	25.925.037.159	75.994.900.283

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.2 Cổ phiếu

	Số lượng	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Cổ phiếu được phép phát hành	5.000.038	5.000.038
Cổ phiếu đã phát hành	5.000.038	5.000.038
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.000.038	5.000.038
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	38	38
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	38	38
Cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.000.000	5.000.000

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết không hạn chế.

18. DOANH THU

18.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Doanh thu gộp	54.389.030.461	59.696.126.737
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	54.336.030.461	59.624.876.737
Doanh thu từ cho thuê xe và vận chuyển	53.000.000	71.250.000
Giảm trừ	(4.104.954.485)	(3.275.933.721)
Chiết khấu thương mại	(4.043.308.616)	(3.246.722.621)
Hàng bán bị trả lại	(60.932.744)	(29.211.100)
Giảm giá hàng bán	(713.125)	-
Doanh thu thuần	<u>50.284.075.976</u>	<u>56.420.193.016</u>
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	50.231.075.976	56.348.943.016
Doanh thu từ cho thuê xe và vận chuyển	53.000.000	71.250.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. DOANH THU (tiếp theo)

18.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Lãi tiền gửi	105.513.637	97.269.096
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	12.503.714	30.139.500
TỔNG CỘNG	<u>118.017.351</u>	<u>127.408.596</u>

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Giá vốn thành phẩm đã bán	35.591.306.790	41.067.111.833
Giá vốn cho thuê xe và vận chuyển	2.321.000	37.855.589
TỔNG CỘNG	<u>35.593.627.790</u>	<u>41.104.967.422</u>

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chiết khấu thanh toán	1.364.044.163	1.689.899.124
Chi phí lãi vay	450.306.688	553.075.463
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	3.176.500
TỔNG CỘNG	<u>1.814.350.851</u>	<u>2.246.151.087</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí bán hàng	6.444.599.832	6.952.861.902
Chi phí nhân viên	2.909.380.624	3.014.721.253
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.529.927.084	2.011.312.848
Chi phí khấu hao	49.109.262	205.128.222
Chi phí đồ dùng văn phòng	13.766.086	18.656.204
Khác	1.942.416.776	1.703.043.375
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.764.536.603	3.462.649.985
Chi phí nhân viên	1.633.824.036	1.600.410.849
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.832.362.862	1.546.528.682
Chi phí công cụ, dụng cụ	48.160.006	101.566.600
Chi phí khấu hao	2.850.000	2.850.000
Chi phí khác	247.339.699	211.293.854
TỔNG CỘNG	<u>10.209.136.435</u>	<u>10.415.511.887</u>

22. THU NHẬP KHÁC

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	181.818.182	-
Khác	1.701.692	3.406.726
TỔNG CỘNG	<u>183.519.874</u>	<u>3.406.726</u>

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí nguyên vật liệu, hàng hóa	27.539.189.198	29.312.413.702
Chi phí nhân viên	8.259.337.434	8.510.448.625
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.411.481.724	4.655.713.965
Chi phí khấu hao (Thuyết minh số 10)	3.592.746.474	4.082.633.118
Chi phí khác	2.606.415.145	2.425.291.723
TỔNG CỘNG	<u>46.409.169.975</u>	<u>48.986.501.133</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") của Công ty là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

24.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí thuế TNDN trong năm	593.699.625	556.875.589
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu trong những kỳ trước	-	75.412.516
Chi phí thuế TNDN hiện hành	593.699.625	632.288.105

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.968.444.067	2.706.279.192
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	593.688.813	541.255.838
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế	10.812	15.619.751
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu trong những kỳ trước	-	75.412.516
Chi phí thuế TNDN	593.699.625	632.288.105

24.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mavin Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mavin	Công ty mẹ Đồng chủ sở hữu
Ông Đào Mạnh Lương Ông Đào Mạnh Ưởng Bà Phan Thị Hạnh Bà Triệu Thị Quỳnh Thư	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) Bố của ông Đào Mạnh Lương Mẹ của ông Đào Mạnh Lương Vợ của ông Đào Mạnh Lương
Ông Lê Thành Nam Ông Lê Thành Hưng Bà Nguyễn Thị Nhung Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	Thành viên HĐQT Bố của ông Lê Thành Nam Mẹ của ông Lê Thành Nam Vợ của ông Lê Thành Nam
Ông Nguyễn Anh Tuấn Bà Trần Thu Phú Bà Nguyễn Thị Lan Hương	Thành viên HĐQT Mẹ của ông Nguyễn Anh Tuấn Vợ của ông Nguyễn Anh Tuấn
Bà Vũ Thị Hồng Nhung Ông Đào Mạnh Hiếu	Trưởng Ban kiểm soát (“BKS”) Chồng của bà Vũ Thị Hồng Nhung
Ông Thân Văn Dũng Bà Nguyễn Thị Trâm Bà Nguyễn Thị Tâm	Thành viên BKS Mẹ của ông Thân Văn Dũng Vợ của ông Thân Văn Dũng
Bà Trần Thị Kiều Chinh Ông Trần Văn Bảy Bà Nguyễn Thị Một	Thành viên BKS Bố của bà Trần Thị Kiều Chinh Mẹ của bà Trần Thị Kiều Chinh
Ông Đỗ Văn Tài	Giám đốc
Bà Phan Nguyễn Thanh Huyền	Phó Giám đốc

200
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mavin	Sử dụng dịch vụ	1.250.000.000	1.100.000.000

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải thu khách hàng ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mavin	Bán hàng hóa và dịch vụ	<u>11.000.000</u>	<u>11.000.000</u>
Phải trả người bán ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Marvin	Sử dụng dịch vụ	<u>1.250.000.000</u>	<u>3.208.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Giám đốc và Ban kiểm soát ("BKS") bao gồm lương, thù lao và các chi phí liên quan như sau:

Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Ông Đào Mạnh Lương	Chủ tịch HĐQT	18.000.000	18.000.000
Ông Đào Mạnh Hòa	Thành viên HĐQT	-	8.000.000
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	12.000.000	12.000.000
Ông Lê Thành Nam	Thành viên HĐQT	12.000.000	12.000.000
Ông Ngô Phú Thỏ	Thành viên HĐQT	-	8.000.000
Bà Vũ Thị Hồng Nhung	Trưởng BKS	12.000.000	12.000.000
Bà Trần Thị Kiều Chinh	Thành viên BKS	125.332.319	127.312.455
Ông Thân Văn Dũng	Thành viên BKS	105.116.000	114.246.923
Ông Đỗ Văn Tài	Giám đốc	416.200.000	422.547.000
Bà Phan Nguyễn Thanh Huyền	Phó Giám đốc	260.380.000	248.597.000
TỔNG CỘNG		961.028.319	982.703.378

26. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.374.744.442	2.073.991.087
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi trên cổ phiếu	5.000.000	5.000.000
Lãi trên cổ phiếu		
- Lãi cơ bản	475	415
- Lãi suy giảm	475	415

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Trong vòng 1 năm	165.276.371	165.276.371
Từ 2 năm đến 5 năm	826.381.855	826.381.855
Trên 5 năm	<u>2.290.619.758</u>	<u>2.455.896.129</u>
TỔNG CỘNG	<u>3.282.277.984</u>	<u>3.447.554.355</u>

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê xe theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, khoản tiền thuê tối thiểu hàng năm trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động là 90.000.000 VND.

28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.





Nguyễn Thị Mộng Duyên Võ Thị Lệ Trinh Đỗ Văn Tài
 Người lập Kế toán trưởng Giám đốc



Ngày 14 tháng 8 năm 2023